

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Tư duy pháp lý

Tên học phần (tiếng Anh): Legal Reasoning

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011342
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						
		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>			Ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Luật Thương mại
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Tư duy pháp lý là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức lý luận chung về tư duy và tư duy pháp lý, các quy luật cơ bản của tư duy và lỗi ngụy biện phổ biến trong tranh luận, các phương pháp tư duy căn bản, kỹ thuật trong hoạt động áp dụng pháp luật, thực hiện pháp luật (như kỹ thuật phân tích quy phạm pháp luật, kỹ thuật lựa chọn nguồn pháp luật, kỹ thuật xử lý xung đột và lỗ hổng pháp luật, phương pháp giải thích pháp luật); so sánh tư duy pháp lý trong hai hệ thống pháp luật chính trên thế giới.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học

có khả năng phát hiện vấn đề, phân tích, phản biện, lập luận, xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động áp dụng pháp luật, thực hiện pháp luật.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được những vấn đề lý luận về tư duy, tư duy học, tư duy pháp lý.	Kiến thức
CLO2	Vận dụng các quy luật của tư duy pháp lý; phân biệt được các dạng lỗi nguy hiểm trong tranh luận pháp lý; áp dụng được các phương pháp tư duy pháp lý căn bản	Kiến thức
CLO3	Sử dụng được kỹ thuật phân tích quy phạm pháp luật, lựa chọn nguồn luật, và các phương pháp giải thích pháp luật	Kiến thức
CLO4	Thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình; tranh luận pháp lý, kỹ năng phòng tránh và bác bỏ lỗi nguy hiểm; làm chủ kỹ thuật phân tích quy phạm pháp luật, lựa chọn nguồn luật, phương pháp giải thích pháp luật;	Kỹ năng
CLO5	Tích cực nâng cao trình độ tư duy pháp lý, phát triển thói quen đối thoại văn minh	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	CHƯƠNG 1: TƯ DUY, TƯ DUY HỌC VÀ TƯ DUY PHÁP LÝ I. Lý luận về tư duy 1. Khái niệm tư duy 2. Đặc điểm của tư duy II. Tư duy học (khoa học về tư duy) III. Tư duy pháp lý 1. Khái niệm 2. Đặc điểm 3. Phân loại IV. Tư duy pháp lý với tính chất là một khoa học IV. Tư duy pháp lý với tính chất là một học phần trong chương trình đào tạo cử nhân luật học	3	0	6	CLO1	Thuyết giảng.	[1],[3] [4];[5].	Đọc chương I, II giáo trình chính
2	CHƯƠNG 2: CÁC QUY LUẬT CỦA TƯ DUY VÀ	10	4	15	CLO2, CLO4,	Thuyết giảng;	[1];[2]; [3]; [4]	Đọc chương

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	<p>VẤN ĐỀ NGỤY BIỆN TRONG TRANH LUẬN</p> <p>I. Khái niệm, đặc điểm của quy luật tư duy</p> <p>II. Các quy luật cơ bản của tư duy</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy luật đồng nhất 2. Quy luật cấm mâu thuẫn 3. Quy luật loại trừ cái thứ ba (hay còn gọi là luật bài trung) 4. Quy luật lý do đầy đủ <p>II. Ngụy biện trong tranh luận</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại 2. Các dạng lỗi ngụy biện trong tranh luận pháp lý 				CLO5	Thảo luận nhóm.	[5].	III giáo trình chính
3	<p>CHƯƠNG 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP TƯ DUY PHÁP LÝ CĂN BẢN</p> <p>I. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của các phương pháp tư duy pháp lý</p> <p>II. Các phương pháp tư duy pháp lý căn bản</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phương pháp tư duy diễn dịch (a maiore ad minus) 2. Phương pháp tư duy quy nạp (a maiore ad minus) 3. Phương pháp tam đoạn luận (syllogismos) 4. Phương pháp tư duy IRAC 5. Phương pháp suy luận tương tự (analogy) 6. Phương pháp tư duy phân biệt (A khác B, vì vậy qui 	15	8	28	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Thuyết giảng; thảo luận; hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề)	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương IV giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	<p>tác A không thể áp dụng cho B).</p> <p>7. Phương pháp suy luận đối nghịch (argumentum a contrario)</p> <p>8. Phương pháp suy luận tất nhiên (fortiori)</p> <p>9. Phương pháp suy luận loại trừ (enumeratio)</p> <p>10. Phương pháp phân tích luật (legal analysis)</p> <p>11. Phương pháp lập luận pháp lý (legal reasoning)</p>							
4	<p>CHƯƠNG 4: KỸ THUẬT PHÂN TÍCH QUY PHẠM PHÁP LUẬT, LỰA CHỌN NGUỒN PHÁP LUẬT, XỬ LÝ XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT, XỬ LÝ LỖ HỔNG PHÁP LUẬT, VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP GIẢI THÍCH PHÁP LUẬT</p> <p>I. Kỹ thuật phân tích quy phạm pháp luật</p> <p>1. Kỹ thuật nhận diện và phân tích quy phạm pháp luật đầy đủ</p> <p>2. Kỹ thuật nhận diện và phân tích quy phạm pháp luật không đầy đủ</p> <p>3. Các lỗi điển hình trong phân tích logic quy phạm pháp luật</p> <p>II. Kỹ thuật lựa chọn nguồn pháp luật, xử lý xung đột pháp luật và lỗ hổng pháp luật</p> <p>1. Kỹ thuật lựa chọn nguồn</p>	4	3	12	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6.	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [3]; [4] [5].	Làm tình huống chương 4. Đọc chương V giá trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	<p>pháp luật</p> <p>2. Kỹ thuật xử lý xung đột pháp luật</p> <p>3. Kỹ thuật xử lý lỗ hổng pháp luật</p> <p>III. Giải thích pháp luật</p> <p>1. Khái niệm, đặc điểm của giải thích pháp luật</p> <p>2. Các hình thức giải thích pháp luật</p> <p>3. Các nguyên tắc giải thích pháp luật</p> <p>4. Các phương pháp giải thích pháp luật</p>							
5	<p>CHƯƠNG 5: TƯ DUY PHÁP LÝ Ở 2 HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CHÍNH TRÊN THẾ GIỚI</p> <p>I. Tư duy pháp lý trong hệ thống pháp luật Common Law</p> <p>II. Tư duy pháp lý trong hệ thống pháp luật Civil-Law</p> <p>Kiểm tra</p> <p>Ôn tập</p>	3	0	13	CLO1	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm	[1]; [2];	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương VI giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề Giáo trình chính
4	Bài tập cá nhân	Nhận chuyên đề, nộp sản phẩm	Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính)

(1) Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Hoàng Anh. 2023. Giáo trình tư duy pháp lý, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học

- Tiếng Việt

(1) Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. 2022. Giáo trình Logic học, Nxb. Hồng Đức.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm tình huống	Chấm điểm tình huống	Tình huống hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	20%
	Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm, tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1										
CLO2			R							
CLO3			R							
CLO4			R				M			
CLO5							M			
CLO6									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết giảng	X	X				
Thảo luận nhóm			X	X	X	
Báo cáo chuyên đề			X	X		X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề			X	X	X	X
Tự học		X	X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X	X	X	X	X

10. Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm

Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0 – 3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5≤10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn



PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

TS. Tô Thị Đông Hà

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Tô Thị Đông Hà	Học hàm, học vị: tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp HCM.	Điện thoại liên hệ: 0987685977
Email: toha@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	